

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2010 - 2011 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : AutoCad Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010015	Cao Loot	Ca	12/11/1990	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Bảo lưu
2	3375010030	Lê Xuân	Cường	01/12/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
3	3375010057	Võ Quốc	Duy	26/03/1991	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	
4	3375010058	Nguyễn Văn	Dự	30/05/1988	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
5	3375010069	Phạm Thanh Đại	Dương	24/12/1991	6						6.00	1.80	0.00	0.00	2	
6	3375010084	Nguyễn Xuân	Đông	15/08/1991	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
7	3375010095	Lê Lâm	Giang	09/01/1991	6						6.00	1.80	8.00	5.60	7	Học lại
8	3375010096	Lê Văn	Giang	02/10/1991	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
9	3375010100	Nguyễn Hữu	Hậu	30/12/1990	7						7.00	2.10	4.00	2.80	5	Học lại
10	3375010119	Hoàng Trung	Hiếu	07/09/1990	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
11	3375010122	Nguyễn Huy	Hoàng	04/08/1990	7						7.00	2.10	0.00	0.00	2	
12	3375010146	Trương Đình	Khánh	15/10/1991	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
13	3375010155	Trần Việt Đăng	Khoa	02/02/1990	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	Học lại
14	3375010166	Phạm Thành	Lên	30/07/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
15	3375010171	Nguyễn Mã	Long	09/11/1990	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
16	3375010175	Phan Huỳnh Phước	Lộc	04/10/1991	5						5.00	1.50	0.00	0.00	2	
17	3375010193	Mai Quang	Minh	14/12/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
18	3375010198	Trần Anh	Mỹ	20/06/1990	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
19	3375010209	Vương Khả	Ngọ	01/06/1991	7						7.00	2.10	7.00	4.90	7	
20	3375010234	Trần Thanh	Phong	02/03/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
21	3375010248	Nguyễn Đình	Phượng	03/04/1988	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010266	Nguyễn Võ Thành	Rin	22/07/1990	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	
23	3375010290	Trần Công	Tây	21/01/1989	8						8.00	2.40	6.00	4.20	7	Học lại
24	3375010300	Lê Thanh	Thân	24/08/1991	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
25	3375010326	Nguyễn Đức	Thọ	06/02/1990	2						2.00	0.60	2.00	1.40	2	
26	3375010341	Nguyễn Kim	Tiến	10/08/1989	6	6					6.00	1.80	4.00	2.80	5	Học lại
27	3375010343	Nguyễn Văn	Tiến	03/09/1990	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
28	3375010360	Nguyễn Quang	Trung	10/09/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
29	3375010363	Trần Anh	Trung	14/07/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
30	3375010368	Phạm Văn	Trường	10/07/1991	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	Học lại
31	3375010379	Nguyễn Minh	Tuấn	30/10/1987	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	
32	3375010383	Trương Minh	Tuấn	10/08/1991	9						9.00	2.70	8.00	5.60	8	
33	3375010386	Hoàng Thanh	Tùng	15/12/1989	4						4.00	1.20	4.00	2.80	4	Học lại
34	3375010400	Trần Anh	Việt	26/03/1991	6						6.00	1.80	0.00	0.00	2	
35	3375010401	Trần Hoàng	Việt	01/07/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	

Tổng: 35.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	1	2.9
Khá	3	8.6

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	7	20.0
Trung bình	16	45.7
Không đạt	8	22.9
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/.../.....

Giáo Vụ Khoa